

## QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI TRONG VĂN XUÔI LÝ VĂN SÂM

NGUYỄN QUANG MINH\*

### TÓM TẮT

*Lý Văn Sâm là một tài năng lớn của văn nghệ Đồng Nai nói riêng, văn nghệ miền Đông Nam Bộ nói chung. Tác phẩm của ông tiêu biểu cho dòng văn học yêu nước tiến bộ các đô thị miền Nam 1945 – 1975. Trong văn xuôi, Lý Văn Sâm có quan niệm nghệ thuật về con người độc đáo, sâu sắc với các dạng tiêu biểu: con người duyên phận, con người bốn phận, con người thân phận. Đó cũng là một trong những đóng góp quan trọng của nhà văn đối với dòng văn học yêu nước các đô thị miền Nam.*

**Từ khóa:** Lý Văn Sâm, văn học đô thị miền Nam, quan niệm nghệ thuật về con người, văn xuôi.

### ABSTRACT

#### *Artistic notions of humans in Ly Van Sam's prose*

*Ly Van Sam is a talented writer of not only Dong Nai but also Southeastern Vietnam. His literary works are typical of the patriotic literary movement in Vietnam's Southern cities from 1945 to 1975. In his prose, Ly Van Sam expresses profound and special artistic notions of humans, which can be divided into different forms: destined humans, dutiful humans and humans in fate. Those notions of humans are among his important contributions to the patriotic literary movement in Vietnam's Southern cities.*

**Keywords:** Ly Van Sam, literature in Vietnam's Southern cities, artistic notions of humans, prose.

### 1. Lý Văn Sâm – viết từ những tha thiết yêu thương

“*Văn học là nhân học*”, từ bao đời nay nó đã đồng hành cùng con người trong những niềm vui, nỗi buồn, những ước mơ và khát vọng. Thế nhưng, việc viết được một “áng văn xuôi đơn giản, trung thực về con người” [1, tr.126] vẫn là ước mơ cao vời của những nhà văn thiên tài. Bởi vì, để làm được điều đó, nhà văn không chỉ phải có tài năng trong việc sử dụng ngôn ngữ mà hơn hết, phải biết cách nhận xét, đánh giá, lí giải về con người một cách sâu sắc. Điều đó có nghĩa là nhà văn bao giờ cũng phải có

một quan niệm nghệ thuật về đối tượng chủ yếu của văn học: Con người. Có thể nói, toàn bộ quan niệm nghệ thuật về con người của Lý Văn Sâm bắt nguồn từ tấm lòng yêu thương thiết tha và hồn hậu của ông với cuộc sống và con người. Trước Cách mạng, đó là tình cảm tự nhiên, chân thành của một tâm hồn gắn bó máu thịt với quê hương xứ sở: “Tôi lớn lên trong rừng và mãi tới năm bảy tuổi mới được đưa ra học ở trường tỉnh. Trọn bảy năm, tâm hồn thơ dại của tôi đã thấm sâu bóng núi, hình cây, tiếng chim, lời suối” [4, tr.207]. Thế nên, những trang viết của nhà văn về quê hương hiện lên thật mộc

\* NCS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP HCM

mạc, dung dị mà cũng thật đậm thắm, yêu thương. Đó là một làng quê có “con đường trải đá son theo hình bán nguyệt của dòng sông, giống như một nét bút chì đỏ và một nét bút chì xanh vẽ song song lên trang giấy trắng. Từng đàn cò trắng theo nhau lướt nhẹ trên gương nước phẳng và nghiêm như dáng điệu những chàng thư sinh thời lều chõng khăn gói lên đường thi” (*Chuyện một đàn cò trắng*). Đó cũng là vùng rừng núi Đồng Nai thâm u mà cao cả: “Gió rừng thì thầm kể cho tôi nghe những kỷ niệm thuở thiếu thời, ngọt như tiếng hát ru của người mẹ” (*Thâm u và cao cả*). Viết văn, Lý Văn Sâm khi ấy là một hứng thú tinh thần, một nhu cầu tự nhiên của tâm hồn người thanh niên trí thức lãng mạn, mơ mộng nhưng cũng đầy u hoài, bế tắc trước những bi kịch thời đại. Ông có lần tâm sự: “Mãi đến lúc tôi thay ba tôi cai quản lò than “Cái thác nước” ở Trị An, tôi rất thiếu bạn bè. Quanh tôi chỉ có rừng và thác. Trước mặt tôi giấy bút là bạn. Tự nhiên tôi cần phải viết để quên buồn chớ không phải để gửi đăng báo. (...) Từ ấy, tôi ham viết, viết chơi chớ không bị sanh kế thúc ép như bây giờ. Thế là tôi làm báo, tôi viết văn...tự nhiên tôi thấy cần phải viết, tôi ham viết” [7].

Cũng vẫn là tấm lòng yêu thương quê hương, đất nước ấy, nhưng sau Cách mạng, ngòi bút Lý Văn Sâm có sự soi đường của ánh sáng lí tưởng. Với tinh thần “Đứng lên khi tổ quốc cần. Tham gia cải tạo xã hội khi nhân dân đòi hỏi” (*Vợ tôi người dân tộc thiểu số*) [5, tr.395], quan niệm nghệ thuật của Lý Văn Sâm có nhiều chuyển biến. Viết văn

bây giờ không chỉ là hứng thú mà còn là bổn phận: “Viết cũng là kiến thiết. Viết cũng là cải tạo. Nước nhà đã sút mẻ nhiều rồi. Phải đắp, phải vá. Kẻ làm trai nào cũng là người thợ của quốc gia cả” (*Thèm một ngọn đèn*). Nhà văn có trách nhiệm xã hội cao quý: “Không làm được một chiến sĩ thì làm một văn sĩ. Đảng nào cũng là con đường dẫn tới một mục đích cao quý” (*Thèm một ngọn đèn*). Nhà văn nhiều lần nhắc đến yêu cầu hòa nhập vào đời sống nhân dân của người trí thức văn nghệ sĩ: “Văn nghệ sĩ phải xếp mình vào hàng ngũ những người thợ, những người thợ đang kiến tạo xứ sở. Lao động trí óc phải phối hợp tích cực với lao động tay chơn” (*Vợ tôi người dân tộc thiểu số*). Dù quan niệm nghệ thuật của Lý Văn Sâm trước và sau Cách mạng có đôi chút khác biệt nhưng trên hết đó vẫn là tiếng lòng của một tâm hồn tha thiết yêu thương quê hương, đất nước, gắn bó máu thịt với đời sống nhân dân và luôn khao khát cống hiến cho tổ quốc bằng một ngòi bút say đắm mà trĩu nặng suy tư. “Hành trình văn chương Lý Văn Sâm nằm trọn trên những nẻo đường kháng chiến của dân tộc. Ông gắn bó suốt đời với nhân dân và yêu thiết tha quê hương, nơi ông thường gọi bằng cái tên dân dã mà có sức lay động lòng người: quê nhau rún” [2, tr.376].

## 2. Những kiểu quan niệm nghệ thuật về con người trong văn xuôi Lý Văn Sâm

### 2.1. Con người duyên phận

Đọc văn Lý Văn Sâm, người ta chú ý đến điều này: viết văn giữa khói lửa chiến tranh, trong khí thế ngàn ngạt của phong trào văn chương tranh đấu nhưng

sáng tác của Lý Văn Sâm lại thấm đẫm chất lãng mạn, mơ mộng. Không khí tình yêu bàng bạc trong tác phẩm của nhà văn họ Lý. Bùi Công Thuận coi “*những câu chuyện tình yêu*” là đặc thù của văn chương Lý Văn Sâm. “Cảnh đường rừng hay cảnh biển đảo, cảnh sông nước, làng quê hay cảnh chiến đấu; trong nước hay ở Cam bu chia, Hương Cảng; dã sử hay hiện sử, trinh thám hay viễn tưởng... chỉ là cái phong nền cho câu chuyện tình, làm phong phú màu sắc tình yêu và thể hiện giá trị nhân văn của ngòi bút Lý Văn Sâm” [8]. Trong số 40 truyện ngắn của Lý Văn Sâm có đến 25 truyện đề cập đề tài tình yêu hay ít nhiều có bóng dáng những câu chuyện tình. Con số này ở truyện vừa là 11/11. Có thể nói, nhìn con người từ phương diện tình yêu là đặc điểm nổi bật trong sáng tác của Lý Văn Sâm, qua đó thể hiện một kiểu quan niệm nghệ thuật về con người rất riêng của nhà văn: con người duyên phận.

Kiểu con người duyên phận được thể hiện một cách tập trung, đậm đặc trong văn xuôi Lý Văn Sâm. Có tình yêu thoáng qua (*Kiếp này thôi đã lỡ*), tình yêu trong cảnh tù tội (*Gió bãi trắng ngàn*), tình yêu của hai kẻ thuộc hai chiến tuyến khác nhau (*Sương gió biên thùy*), tình yêu lỏng trong tình vợ chồng (*Vợ tôi người dân tộc thiểu số*), tình yêu trong kháng chiến (*Sóng vỗ bờ xa*)... Độc giả đương thời hâm mộ Lý Văn Sâm có lẽ cũng do điều đó. Sáng tác của ông hầu hết nói về một tình yêu lung linh, huyền ảo, đầy trắc ẩn, được thể hiện bằng một giọng văn mượt mà, gợi cảm, thoáng chút u buồn. Con người duyên phận trong sáng tác của Lý Văn

Sâm được thể hiện dưới nhiều dạng thức khác nhau, nhưng tựu chung lại, có thể thấy những mô-típ nổi bật như sau:

Đầu tiên là *mô-típ tình cờ gặp nhau*. Kiểu mô-típ này xuất hiện trong khá nhiều tác phẩm của Lý Văn Sâm như *Sương gió biên thùy*, *Sứ mạng*, *Kòn Trô*, *Kiếp này thôi đã lỡ*, *Sóng vỗ bờ xa*... Có khi là tình cờ gặp nhau rồi cảm mến và yêu thương nhau Bởi vì, sự lạ lẫm, ngỡ ban đầu thường đem đến nhiều lạ lẫm và hứng thú khám phá (*Nợ nước thù nhà*, *Nước lên*, *Vợ tôi người dân tộc thiểu số*, *Sóng vỗ bờ xa*...). Có khi là tình cờ gặp nhau nhưng duyên phận đã đến từ trước (*Sứ mạng*). Có khi không phải gặp nhau trong hiện thực mà chỉ qua một tấm hình thôi nhưng đủ để nảy sinh lòng cảm mến (*Kiếp này thôi đã lỡ*). Tiêu biểu nhất cho kiểu mô-típ này chính là *Kòn Trô*, câu chuyện về cô tiểu thư đài các Thể Phụng, “tình cờ” gặp gỡ Kòn Trô, tên tướng cướp giữa chốn rừng xanh. Tình yêu nảy nở giữa trai anh hùng gái thuyền quyên làm cả hai xao động: “*Lúc ấy đúng mùa hoa chai nở. Những cánh hoa li ti điểm trắng rừng xanh, lờ lờ như có một lớp tuyết phủ. Mặt trời đỏ chói, chồi lên sau ngọn Bạch Hổ; rục rục như một vùng hào quang tỏa quanh đầu đức Phật*” (*Kòn Trô*).

Tiếp đến là *mô-típ về tình yêu giữa hai con người thuộc hai chiến tuyến khác nhau* hay hay giai cấp khác nhau. Kiểu mô-típ này xuất hiện khá nhiều trong các sáng tác của Lý Văn Sâm như *Sương gió biên thùy*, *Vực thăm*, *Ma ní bửu châu*, *Đường vào xứ Phật*... Đó là tình yêu giữa công chúa Nga Y và gã nhạc sĩ mù hát rong (*Ma ní bửu châu*),

giữa công chúa Phượng Vĩ và tráng sĩ Mai Phương – kẻ đã giết chết cha nàng (*Đường vào xứ Phật*), giữa Phong và Rosée (*Sương gió biên thùy*), giữa Giác và cô gái mang hai dòng máu Pháp Việt (*Vực thẳm*). Dù thế nào, đó cũng là tình yêu ngang trái, tình yêu bị kịch, tình yêu dẫn đến những kết thúc đau khổ, bất hạnh. Chẳng hạn, trong *Vực thẳm*, người chiến sĩ Giác yêu cô gái mang hai dòng máu Pháp – Việt. Bị bạn bè cười chê, lại bị nghĩa vụ thôi thúc, Giác từ bỏ cô gái mà không biết mình đã để lại giọt máu trong người cô gái. Mấy năm sau, Giác chiến đấu và bị thua trận. Anh bị bắt vào đồn của viên quan Pháp. Vợ hấn (chính là cô gái năm xưa) thương tình xin tha chết cho Giác và biến anh thành *thầy kí* của riêng mình. Một hôm, “bà lớn” lái xe chở con và thầy kí Giác đi chơi. Bà thông báo cho Giác biết đứa bé chính là con anh rồi lao xe thẳng xuống vực. Giác được sự cứu sống, ngày ngày chống nạng ra gần *vực thẳm* để day dứt nỗi ân hận của đời mình. Năm sau, Giác chống nạng nhảy xuống vực thẳm...

Cuối cùng, phải kể đến mô-típ *tình yêu trong hoàn cảnh chiến đấu*, trong những gian khó, hi sinh nhưng cũng đầy hào hùng của cuộc chiến. Nhà văn thường miêu tả những người chiến sĩ có tâm hồn nghệ sĩ mộng mơ khác thường, lại có tài đánh đàn (Thọ trong *Đòn chìn kha la*), làm thơ (nhân vật “tôi” trong *Sa mù*, Lục trong *Điêu hiu lau lách*), vì thế tình yêu đến với họ là điều tất yếu. Có điều, tình yêu ấy không làm người lính sao nhãng nhiệm vụ mà chỉ làm họ thêm hăng say chiến đấu, quyết tâm đánh giặc bảo vệ quê hương. Tình yêu ấy cũng làm

sáng lên nhân cách con người trong hoàn cảnh ngặt nghèo của chiến tranh: Bê (*Sa mù*) vì thương “tôi” mà không quân bom đạn, vượt sông đi lấy thuốc cho “tôi” uống, vì thế mà họ lạc nhau đến cuối đời; Chín (*Sóng vỗ bờ xa*) vì thương Thái mà phải hi sinh... Có thể nói, ở kiểu mô-típ này, Lý Văn Sâm đã thể hiện cái nhìn nhân văn sâu sắc. Con người trong tình yêu của ông, dù trong hoàn cảnh bị thương vẫn giữ được tình yêu chung thủy, sẵn sàng hi sinh vì người yêu. Qua đó, nhà văn cũng thể hiện được tình yêu quê hương đất nước, khát vọng tự do và bóng dáng thời đại.

Đặc điểm của những câu chuyện tình yêu trong sáng tác của Lý Văn Sâm là tác phẩm thường kết thúc bằng cảnh chia li, đau buồn, ngang trái, tình yêu lỡ làng, không trọn vẹn. Có hai nguyên nhân chính dẫn đến đặc điểm trên. *Thứ nhất*, những câu chuyện tình bị kịch làm tăng sức hấp dẫn với người đọc và qua đó khéo léo truyền tải thông điệp tranh đấu. Và chẳng, sáng tác cũng là một cách kiếm sống của những nhà văn nghèo như Lý Văn Sâm. Nếu câu chuyện không lôi cuốn, không hấp dẫn người đọc, tên tuổi của nhà văn họ Lý khó lòng tồn tại trong đời sống đầy sôi động của văn nghệ miền Nam lúc bấy giờ. *Thứ hai*, tình yêu không phải là cái đích chính mà Lý Văn Sâm muốn đạt đến. Ấn sau những câu chuyện tình yêu chính là nỗi lòng của tác giả, là mối quan tâm sâu sắc đến thời đại, con người, là một ý hướng đấu tranh cách mạng. Lý Văn Sâm không muốn người đọc của mình ngủ quên trong những câu chuyện tình viên mãn. Tuyên truyền đấu tranh mới là

mục đích chính, còn tình yêu chỉ là cái nền để tố cáo chế độ hay ca ngợi người chiến sĩ cách mạng, ca ngợi đất nước, thể hiện khát vọng chiến đấu. Ở mặt này, có thể thấy sáng tác của Lý Văn Sâm vừa chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết lãng mạn Tự lực văn đoàn, lại vừa mang dấu ấn của tiểu thuyết diễm tình – võ hiệp của Tàu rất thịnh hành thời đó. Chỉ có điều, khác với tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, có nội dung chủ yếu là chống phong kiến, văn xuôi Lý Văn Sâm thể hiện ý hướng đấu tranh cách mạng rất rõ rệt.

## 2.2. Con người thân phận

Thân phận con người có lẽ là một nỗi ám ảnh Lý Văn Sâm từ thuở lọt lòng. Khi mới chào đời, cậu bé Lý Văn Sâm đã nếm trải bi kịch đầu tiên: bọn cướp đến và lấy hết tiền phát xâu của cha cậu rồi bỏ đi. Lớn lên, cậu học trò trường tỉnh lại phải chứng kiến bi kịch khác: cha cậu bị quan Tây tát vào mặt mà không dám phản kháng. Lớn lên, hoạt động văn chương tranh đấu ở nội thành buộc nhà văn tiếp xúc với những cảnh sống tù túng ngột ngạt hàng ngày, những số phận bất hạnh, những mảnh đời éo le... Tất cả những điều đó đã tạo nên ở ông một quan niệm nghệ thuật về con người: con người thân phận.

Trong hoàn cảnh đất nước bị ngoại xâm, khói lửa chiến tranh trùm lên khắp các ruộng vườn, làng mạc, con người thân phận trong sáng tác Lý Văn Sâm trước hết là **thân phận những người dân mất nước**, sống trong nỗi phập phồng lo sợ chiến tranh, lo sợ bom đạn. Văn chương của ông có rất nhiều cảnh loạn li (*Chuyện một đàn cò trắng*), cảnh tản cư (*Suong gió biên thùy*), cảnh

những gia đình li tán (*Đòn chìn kha la, Trùng dương*), những mái nhà đổ sụp dưới bom (*Sa mù*). Đây là cảnh khói lửa chiến tranh: “Làng mạc tan hoang. Nhà cháy nhiều quá. Nhiều con trẻ bơ vơ đứng khóc mẹ giữa cánh đồng đất sỏi lên như những củ khoai tím.” (*Một con chó sủa hóng chiều ba mươi Tết*). Còn đây là số phận bi thương của người dân làng: “Sau những cơn thử thách của sắt và lửa, gần hết ba phần tư ngôi nhà trong làng tôi bị thiêu hủy. Bà tôi mất trong khi chạy loạn và đã ôm những trang sử đầm máu của con cháu xuống mồ” (*Chuyện một đàn cò trắng*). Lý Văn Sâm còn miêu tả cảm động những người mẹ già tóc trắng chờ con, em nhỏ nhớ anh mà người con, người anh ấy hoặc sa vòng lao lí vì chống chính phủ bảo hộ, hoặc lưu lạc nơi thôn hoa đô thị, vì mãi mê miếng cơm manh áo mà mãi không về. Nỗi ám ảnh chiến tranh, những bi thương của cuộc chiến còn nặng nề lên cả số phận những con vật nhỏ bé: một con chó vô chủ, gầy gò “mỗi khi nó nghe tiếng giày đinh nổi lên ngoài đường đá thì nó lại vuron mình lên, sủa ăng ăng như là để phản kháng” (*Một con chó sủa hóng chiều ba mươi tết*), một con cò tội nghiệp chết trong bom đạn (*Chuyện một đàn cò trắng*)... Tất cả đều đau đau nỗi đau về số mệnh nhân dân trong hoàn cảnh đất nước. Tất cả đều đủ sức lên án, tố cáo những bạo tàn của cuộc chiến xâm lược phi nghĩa.

Trong mảng truyện về đề tài đô thị, Lý Văn Sâm còn có một kiểu con người thân phận nữa. Đó là **những con người nhỏ bé, nghèo khổ, bất hạnh**, sống lay lắt bên lề phố thị. Kiểu nhân vật này xuất

hiện khá nhiều trong sáng tác của ông và đánh dấu những thành công nhất định của Lý Văn Sâm trong mảng đề tài đô thị. *Oan gia* là thân phận của người đàn bà nhà quê lưu lạc lên thành phố tìm người giúp đỡ cũng là thân phận của cô gái mất chồng trong tai nạn, *Hồn Do Thái* là thân phận hai đứa bé nghèo giữa khói lửa chiến tranh, *Đi chơi Tết* là thân phận một văn sĩ nghèo không có tiền mua cho con chiếc mũ, *Chớp bể mưa nguồn* là thân phận người mẹ già và đứa con dâu khắc khoải chờ mong người con trai trở về. Số phận của họ trong cảnh tao loạn chiến tranh hiện lên vô cùng bi thương: Đó là những đứa bé có ba mẹ bị chết hay bị tống giam trong nhà tù, phải lưu lạc lên thành phố tìm cha mẹ, là chị bán thuốc lá lề đường: “Chị cũng người ở xa tới đây. Nhà cửa chị bị thiêu hủy. Chồng chị chết trong cơn li loạn. Cả làng chị tha hương. Lên đây chị ráng góp nhóp một ít vốn buôn bán kiếm ăn qua ngày. Nhưng nào có yên ổn được. Nay bị đuổi. Mai bị phạt. Kiếp sống chan hòa nước mắt” (*Lạc loài*).

Cuối cùng, phải kể đến **thân phận của người trí thức nghèo**. Trong mảng đề tài đô thị, Lý Văn Sâm thường viết về những chuyện thường nhật của những nhân vật tiểu tư sản thành thị như trong *Mưa Sài Gòn*, *Rửa hờn*, *Ngoài mưa lạnh*, *Thèm một ngọn đèn*, *Ngàn sau sông Dịch*... Đặc biệt, trong mảng truyện này, chúng ta thấy hiện lên nổi bật nhất là cuộc sống chật vật, khốn đốn từ vật chất đến tinh thần của những người trí thức thành thị nghèo. Họ nghèo khổ đến độ không đủ tiền mua cho con mình một li nước đá để uống cho đỡ khát, một cái

mũ để đội cho khỏi nắng khi “*Đi chơi Tết*”, không thể mua nổi một ngọn đèn để ngồi viết văn (*Thèm một ngọn đèn*). Nhiều câu chuyện Lý Văn Sâm viết về cuộc sống của người viết văn làm báo thời đó thật cảm động. Họ viết trong cảnh nghèo khó, túng quẫn, bần hàn, trong tiếng eo sèo của các chủ nợ, trong cảnh vợ đói con khóc. Nhưng trong hoàn cảnh đó, họ vẫn phải đấu tranh với những cám dỗ vật chất để giữ “*sắc đờ trong lòng người cầm bút*”.

Người trí thức khổ không chỉ vì kiếm sống vất vả, mà còn vì những cuộc bắt bớ, bó rập, giam cầm xảy ra liên miên. Nhân vật Huyền trong *Thèm một ngọn đèn* chỉ vì “bị tình nghi bạo động” mà phải trải qua hai năm dài lao lí, khi được ra tù thì vợ con đói rách đã phiêu bạt về quê ngoại. Bản thân anh phải sống nhờ vào bạn bè, cũng là những người khổ cực không kém gì anh. Ước mơ của anh là khi ra tù sẽ có một chiếc bàn và một ngọn đèn để viết, thế mà mãi không thực hiện được... *Thèm một ngọn đèn* là một tựa đề đầy ẩn ý. Ngọn đèn mà Huyền thèm khát ấy chắc hẳn không chỉ là ngọn đèn dầu nhỏ bé, mà cao hơn, một ngọn đèn công lí, một ánh sáng lí tưởng soi rọi cho số phận những người cầm bút...

Có thể nói, nhìn con người từ phương diện thân phận không phải là phát hiện độc đáo, mới mẻ của Lý Văn Sâm. Nhưng cái độc đáo là ở chỗ Lý Văn Sâm đã đưa nhân vật người trí thức đến một nội hàm mới: người trí thức ý thức sâu sắc nguyên nhân gây ra bi kịch cuộc đời mình, dân tộc mình, thời đại mình, đồng thời biết rõ phương hướng

giải quyết bi kịch ấy: “Viết cũng là kiến thiết. Viết cũng là cải tạo. Nước nhà đã sứt mẻ nhiều rồi. Phải đắp, phải vá. Kẻ làm trai nào cũng là người thợ của quốc gia cả” (*Thêm một ngọn đèn*). Chính điều này làm nên giá trị tư tưởng của văn chương Lý Văn Sâm so với những sáng tác đương thời.

### 2.3. Con người bốn phận

Là người trí thức chân chính, sinh ra và lớn lên “giữa cơn nước biển”, Lý Văn Sâm mang nặng tấm lòng với quê hương, đất nước. Có thể nói, “*lấy tình yêu quê hương đất nước, lấy bốn phận đối với tổ quốc làm thước đo phẩm giá là nền tảng quan niệm nghệ thuật về con người của Lý Văn Sâm*” [1, tr.254].

Khi Lý Văn Sâm chưa giác ngộ Cách mạng thì đó là tình cảm tự nhiên của một tâm hồn khao khát công lí, khao khát tự do và ước mơ một xã hội công bằng, tốt đẹp. Với nhà văn, biết giúp đỡ nhân dân, biết đem lại hòa bình, no ấm cho nhân dân là bốn phận của con người trong cuộc đời. Tất cả những điều đó tạo nên một kiểu nhân vật riêng: **nhân vật trượng phu – thủ lĩnh mới**. Kiểu nhân vật này xuất hiện khá nhiều trong những sáng tác truyện đường rừng của ông như *Kòn Trô*, *Sương gió biên thùy*, *Rồng bay trên núi Gia Nhang*, *Mũi Tổ*, *Chiếc vòng ngọc thạch*, *Sau dãy Trường Sơn*... Khi ấy người trí thức trẻ tuổi trong ông, tuy chưa được ánh sáng lí tưởng soi đường nhưng vẫn nhận thấy những bi kịch, bất công, bế tắc của thời đại, vẫn đau đầu với nước nhà trong cảnh ngoại xâm. Ông quan niệm, xã hội mà nhân loại đang sống là xã hội tù hãm, mất tự do. Ở đó không có đất cho những cuộc đời ngang

dọc, lại không có chỗ cho công bằng, tình nghĩa. Như một lẽ tự nhiên, nhà văn xây cho mình một xã hội mơ ước: một xã hội công bằng, không có pháp luật, không có giai cấp, mọi người đều sống chan hòa với nhau trong cảnh lao động, yêu thương nhau như anh em một nhà.

Kòn Trô là nhân vật trượng phu – thủ lĩnh mới như thế. Kòn Trô xuất hiện như một kẻ lánh chốn thị thành, tìm đến rừng xanh, lập một cõi riêng mà ở đó anh làm người thủ lĩnh lương thiện, một “kẻ cướp” vừa nhân hậu, bao dung lại vừa lãng mạn, đa tình: “Bọn chúng tôi trồng khoai, cấy lúa, gieo bắp, gầy riêng một thế giới phóng khoáng, xa hẳn gió bụi chốn thị thành” (*Kòn Trô*). Người anh hùng “mã thượng giang hồ” ấy muốn xây dựng một cuộc đời tốt đẹp bên những người dân nghèo khổ. Chung quanh anh là “những kẻ vô gia cư, không cha không mẹ, thân thể và cuộc đời gần giống nhau. Họ không cần phải cắt máu ăn thề mà họ cũng ăn ở với nhau một niềm chung thủy (...) Ở đây, không có sự phản bội, không có sự man trá, không có sự ghen tị (...). Tâm hồn họ đã hòa hợp cùng cỏ cây hoang dại”. Đó còn là người anh hùng Cả Tiễn đã dùng mũi tên cuối cùng của mình để bắn vào đôi mắt trắng dã của tên lính da đen trong đêm tối (*Mũi Tổ*) hay là Châu Phiên, trong *Rồng bay trên núi Gia Nhang*, một người thanh niên từng đi du học ở Pháp ba năm, nay quay về nơi “chôn nhau cắt rún”, “*mộ dân lập ấp, cày ruộng trồng ngô, sống một cuộc đời riêng biệt*”. Xã hội nơi Châu Phiên lập ra có trường dạy học, dạy dân mua bán và bỏ hẳn hết những cổ tục lạc hậu phiền phức. Vì thế

những sự đánh giết nhau cứ bót lần cho đến khi dứt hẳn... Nhân vật Châu Phiên là một sáng tạo đầy bất ngờ của nhà văn họ Lý. Ban đầu, anh xuất hiện như một con người kì bí, đầy ma thuật, một vị thần cứu tinh với những phép thuật ma quái đem lại sự thái bình cho người Mọi ở vùng sơn dã. Nhưng ở cuối truyện, người đọc mới hiểu ra một Châu Phiên khác. Anh chỉ là người thanh niên giàu lí tưởng, đã dùng những hiểu biết khoa học của mình để giúp đỡ cho những người dân tộc nghèo hèn, lạc hậu và mê tín.

Với kiểu nhân vật trọng phu – thủ lĩnh mới như Kòn Trô, Cả Tiễn, Châu Phiên, Prakeo Tha..., Lý Văn Sâm đã xây dựng hình ảnh những người anh hùng cô độc, dũng cảm có thừa nhưng cũng đầy thất vọng về cuộc đời, trốn chốn phồn hoa đô thị mà tìm về với rừng xanh núi đồi, hi vọng có thể lập một cõi riêng tự do như họ quan niệm. Những nhân vật này đáp ứng khát vọng về tự do, nhân nghĩa, sự công bằng trong xã hội nước ta trước Cách mạng. Quan niệm đó vừa là thứ tự do, công bằng theo kiểu “Chủ nghĩa xã hội không tưởng” của Owen, Fourier ở phương Tây thế kỉ XVIII, lại vừa tiếp nối truyền thống văn học đạo đức ở Nam Bộ có từ Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Biểu Chánh.

Nếu như trước Cách mạng, quan niệm về con người bốn phận tạo nên ở sáng tác của ông những nhân vật trọng phu, thủ lĩnh mới, những kẻ “mã thượng giang hồ” mang khát vọng tự do, công bằng, ao ước cuộc đời lương thiện, giàu nghĩa tình; thì sau Cách mạng, quan niệm nghệ thuật ấy dựng nên những **người chiến sĩ đấu tranh cho độc lập**

**tự do của tổ quốc.** Kiểu nhân vật này xuất hiện trong rất nhiều sáng tác của Lý Văn Sâm như *Sa mạc*, *Ma ní bửu châu*, *Tiếng rên trong rừng lạnh*, *Sương gió biên thùy*, *Đều hiu lau lách*, *Sa mù*, *Đường vào đất Thục*, *Vực thẳm*... Có thể nói, trong văn học đô thị miền Nam, hiếm có nhà văn nào nói về bốn phận, về “sứ mệnh” của con người nhiều như Lý Văn Sâm. Cụm từ “sứ mạng”, “bốn phận”, “hi sinh” đi về trong sáng tác của nhà văn: “*tôi không ngần ngại gì mà không hy sinh cho đại cuộc*” (*Mũi Tổ*), “*can đảm đi theo việc lớn cho tròn sứ mạng*” (*Chiếc vòng ngọc thạch*), “*nghĩa vụ của một người chiến sĩ*” (*Tàn một đời thơ*), “*một sứ mạng tối thiêng liêng*”, “*sứ mạng quan trọng*” (*Sứ mạng*), “*sứ mạng tối thiêng liêng*” (*Tiếng rên trong rừng lạnh*), “*bốn phận, chỉ vì bốn phận*” (*Một bi kịch đã hạ màn*)... Trong hoàn cảnh văn học và báo chí bị kiểm duyệt gắt gao, nhà văn thường không nói rõ đó là sứ mạng hay bốn phận gì. Nhưng chắc hẳn ai cũng hiểu sứ mạng đó không gì hơn là trách nhiệm của con người với đất nước, nhân dân trong cảnh ngoại xâm: phải cầm vũ khí đứng lên chống lại kẻ thù, phải “*làm người trai trong con nước biển*”.

Người chiến sĩ trong buổi đầu có thể là những nam thanh nữ tú vừa từ bỏ chốn thị thành, làng xóm để ra đi (*Sương gió biên thùy*), là một nhà thiện xạ đã dành mũi tên cuối cùng cho tổ quốc (*Mũi tổ*), là những anh bộ đội đang trên đường chiến đấu hay đang trên đường thực hiện nhiệm vụ (*Sứ mạng*, *Đường vào đất Thục*, *Sa mù*, *Tiếng rên trong rừng lạnh*...). Tất cả họ đều là những con



người coi nghĩa vụ đối với tổ quốc, sự sống còn của dân tộc là trên hết. Họ nhận thức được cái giá của tự do, công bằng, hiểu rõ nghĩa vụ đối với tổ quốc. Đối với họ, trong lúc sơn hà nguy biến, chỉ có một bổn phận vừa thiêng liêng, cao cả, lại vừa hết sức máu thịt, đó là bổn phận với tổ quốc. Vì thế, họ luôn đi đầu trong những cuộc chiến, sẵn sàng hi sinh cuộc đời mình vì nghĩa vụ thiêng liêng. Họ bước vào trận đấu như đón nhận niềm vui: *“Lung chúng tôi cũng uốn vòng cung. Súng cầm ngang tay sửa soạn nả lửa để trả lời cho những tiếng vi vút bên tai (...) Sau lưng tôi, tiếng ve bỗng nghe hùng hồn như kèn thúc trận. Tiếng súng vun vút bên tai... Vui quá đi mất! Chúng tôi đang xé trận tuyến mà xuống núi”* (Tàn một mùa ve).

Họ cũng sẵn sàng hi sinh thân mình vì đồng đội (cô gái Bê trong *Sa mù*), vì nghĩa vụ (Trực trong *Ngày ra đi*) hay nhân văn hơn, vì sự sống còn của người dân giữa hoàn cảnh ngặt nghèo. *Tiếng rên trong rừng lạnh* kể chuyện anh Tư “lục bộ” cùng những người dân quân khác được lệnh phá chiếc cầu độc đạo để cản đường quân Anh - Ấn đang lần bước ở miền Nam nước ta. Khi chiếc cầu đã gãy, những người dân quân phát hiện còn một người đàn bà đang ôm con nhỏ ở bên kia cầu. Anh Tư đã quay trở lại để cứu hai mẹ con nọ. Người được cứu, nhưng chẳng may chính anh lại mắc kẹt chân vào miếng ván cầu, không thể rút ra được. Không để đoàn quân vì mình mà sa vào tay quân Anh - Ấn đang ráo riết truy đuổi, anh Tư đã hối thúc mọi người ra đi. Một năm sau, khi trở lại cánh rừng già, bạn anh chỉ còn thấy một nắm

xương khô treo lủng lẳng giữa hai khúc ván cầu chưa lia nhau. Và từ ấy, trong rừng có tiếng rên thê thảm *“của oan hồn người lục bộ đã xả thân vì đồng bào, vì đất nước khi mới có tiếng súng trên cõi này, là tiếng kêu đau của một dân tộc”*.

Trong hoàn cảnh nhân dân các đô thị miền Nam đang sống trong vòng kiềm tỏa của kẻ thù, một quan niệm nghệ thuật về con người yêu nước, tiến bộ như thế quả là có tác động không nhỏ đến đời sống tinh thần của đông đảo tầng lớp thanh niên, trí thức lúc bấy giờ. Đương thời, nhiều thanh niên trí thức đã già từ cuộc sống phồn hoa để dẫn mình *“theo ngọn cờ thiêng”* cũng là nhờ những trang viết của Lý Văn Sâm. Sau này, nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường kể lại: *“Những cuốn sách đó phù hợp với trình độ tiếp thu của tôi ở từng lứa tuổi, đã nói với tôi một cách dịu dàng về lòng nhân hậu, biết yêu thương con người, tình yêu lẽ phải, dần dần đi đến tình cảm yêu quý và kính trọng đối với Tổ quốc và nhân dân của mình”* [2, tr.337].

### 3. Kết luận

Tìm hiểu, đánh giá quan niệm nghệ thuật về con người là đi vào chiều sâu thế giới tinh thần của chủ thể thẩm mỹ, khám phá cách nhìn nhận, cảm thụ của nhà văn về cuộc đời và con người. Với Lý Văn Sâm, cội nguồn của nền văn hóa Đồng Nai đa dạng mà giàu bản sắc hòa cùng hào khí của thời đại đã phả vào tâm hồn nhạy cảm của ông, từ đó tạo ra những kiểu con người riêng: con người duyên phận, con người bổn phận, con người thân phận. Ba kiểu con người này tuy có những nét khác biệt nhưng vẫn chung một một điểm nhìn, một trường

nhìn: lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, niềm khát khao cống hiến cho đất nước, nhân dân. Vì thế, quan niệm nghệ thuật về con người trong sáng tác của Lý Văn Sâm không có gì khác hơn là tiếng lòng

của một tâm hồn yêu nước, yêu dân tộc, luôn hướng về tổ quốc, nhân dân, đồng thời lại bay bổng, lãng mạn, thấm đẫm chất thơ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Ngữ văn 12*, tập 2, Nxb Giáo dục.
2. Bùi Quang Huy (2002), *Trang sách hồng mở giữa đời hoa*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
3. Bùi Quang Huy (2011), *Văn học Đồng Nai lịch sử và diện mạo*, Nxb Đồng Nai.
4. Lý Văn Sâm (2002), *Lý Văn Sâm toàn tập*, tập 1, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
5. Lý Văn Sâm (2002), *Lý Văn Sâm toàn tập*, tập 2, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
6. Lý Văn Sâm (2002), *Lý Văn Sâm toàn tập*, tập 3, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
7. Lý Văn Sâm (1950), “Tôi viết văn”, báo Xuân Sóng Mới, Sài Gòn.
8. Bùi Công Thuán (2011), “Lý Văn Sâm và hành trình tìm kiếm nhân vật lí tưởng”, [www.phongdiep.net](http://www.phongdiep.net)

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 20-6-2014; ngày phân biện đánh giá: 25-7-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 23-10-2014)